

Bản án số: 01/2025/LĐ-ST.

Ngày 21/02/2025.

V/v “*Tranh chấp về bảo hiểm xã hội,  
theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội,  
về bảo hiểm thất nghiệp theo quy định  
của pháp luật về việc làm*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI - TỈNH LÀO CAI**

**Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Ông Bùi Ngọc Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn Ngân;

Bà Vũ Thị Hòa;

*Thư ký phiên toà:* Ông Vũ Anh Tùng – Thư ký, Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, tham gia phiên toà:* Bà Hoàng Thị Hiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2024/TLST-LĐ, ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, về bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về việc làm*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-LĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Trần Thị H - Sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số nhà F, đường L, tổ C, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai, (Có mặt).

**Bị đơn:** Công ty cổ phần N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Xuân H1 – Chức danh: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ theo đăng ký kinh doanh: Số nhà E, đường N, tổ D phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ hiện nay: Lô C, đường T, khu công nghiệp B, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai, (Vắng mặt).

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bảo hiểm xã hội tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đường Minh T – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Đường P, phường N, thành phố L, tỉnh Lào Cai, (Có đơn đề nghị

xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện nộp ngày 06 tháng 11 năm 2024 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:* Từ tháng 5 năm 2020, bà Trần Thị H được tuyển dụng vào làm việc tại Công ty Cổ phần N với vị trí việc làm là nhân viên văn phòng, giao nhận hàng hoá theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn số: 0105/HĐLĐ/2020 ngày 28 tháng 4 năm 2020. Mức lương cơ bản là 4.200.000VNĐ một tháng và các khoản phụ cấp. Trong quá trình làm việc bà Trần Thị H luôn hoàn thành tốt công việc được giao. Đến ngày 08/4/2024, bà Trần Thị H có đơn xin nghỉ việc và được Công ty cổ phần N chấp nhận. Ngày 25/06/2024 bà Trần Thị H đã nhận được quyết định nghỉ việc từ Công ty cổ phần N, nhưng Công ty cổ phần N chưa thanh toán các khoản tiền cho bà Trần Thị H cụ thể: Khoản tiền lương kinh doanh các tháng 10; 11; 12/2023 và tháng 01/2024 là: 7.250.000VNĐ. Khoản tiền cọc phải nộp khi vào làm việc là: 4.000.000VNĐ. Khoản tiền lãi suất của khoản tiền cọc năm 2022, 2023 và tháng 04/2024 là 1.320.000VNĐ. Khoản tiền trợ cấp thất nghiệp là: 8.100.000VNĐ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty cổ phần N đã chuyển trả cho bà Trần Thị H khoản tiền cọc phải nộp khi vào làm việc là: 4.000.000VNĐ, nên đối với khoản tiền nộp cọc khi vào làm việc và khoản tiền lãi suất của khoản tiền nộp cọc, bà Trần Thị H không yêu cầu Công ty cổ phần N phải hoàn trả nữa. Để bảo đảm quyền lợi của mình bà Trần Thị H khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giải quyết: Buộc Công ty cổ phần N chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả tờ rời bảo hiểm xã hội cho bà Trần Thị H theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội. Yêu cầu Công ty cổ phần N phải thanh toán hoàn trả cho bà Trần Thị H khoản tiền lương kinh doanh tháng 10,11,12/2023, tháng 01/2024 là: 7.250.000 VNĐ và khoản tiền trợ cấp thất nghiệp là: 8.100.000VNĐ.

Đối với bị đơn Công ty cổ phần N, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Công ty cổ phần N theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng Công ty cổ phần N không chấp hành việc có mặt tại Tòa án, vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đến ngày 12/12/2024 Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai nhận được tài liệu do Công ty cổ phần N gửi đến gồm: Bản phô tô Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Công ty cổ phần N; bản phô tô hợp đồng lao động không xác định thời hạn của Công ty cổ phần N đối với bà Trần Thị H, ngoài ra Công ty cổ phần N không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì khác. Công ty cổ phần N vắng mặt tại các phiên tòa ngày 23/01/2025 và ngày 21/02/2025 không có lý do chính đáng. Do đó, việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

*Trong nội dung văn bản số: 1840/BHXXH-TTKT ngày 27/12/2024 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh Lào Cai trình*

*bây*: Bảo hiểm xã hội tỉnh L cung cấp thông tin về việc đóng nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp của Công ty cổ phần N đối với bà Trần Thị H như sau: Công ty cổ phần N mới đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp đến hết tháng 8/2019; đóng bảo hiểm y tế đến hết tháng 09/2019. Thời gian tham gia đóng tiền hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp của bà Trần Thị H tại bảo hiểm xã hội tỉnh Lào Cai từ tháng 05/2020 đến hết tháng 03/2024 chưa được Công ty cổ phần N thực hiện. Tổng số tiền Công ty cổ phần N phải đóng cho bà Trần Thị H (mã số BHXH: 1020045594) tính đến hết tháng 03/2024 và khoản tiền lãi đến hết tháng 12/2024 là: 79.549.257VNĐ, bao gồm: Bảo hiểm xã hội là: 50.925.000VNĐ; Bảo hiểm y tế là: 8.599.500VNĐ; Truy thu bảo hiểm y tế do báo chậm 04 tháng là: 810.000VNĐ; Bảo hiểm thất nghiệp là: 3.561.000VNĐ; Bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp là: 766.500VNĐ; Lãi tính đến tháng 12/2024 là: 14.887.257VNĐ. Nếu bà Trần Thị H được Công ty cổ phần N đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp thì tổng thời gian đóng bảo hiểm là 03 năm 11 tháng (từ tháng 05/2020 đến hết tháng 03/2024). Thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp của bà Trần Thị H nếu đủ điều kiện hưởng được trợ cấp thất nghiệp theo Điều 49, Luật Việc làm, thời gian được hưởng là 03 tháng, mức hưởng trợ cấp thất nghiệp hàng tháng: 2.700.000VNĐ, tổng số tiền được hưởng trợ cấp thất nghiệp là: 8.100.000VNĐ. Do bà Trần Thị H chưa được Công ty cổ phần N đóng bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 05/2020 đến hết tháng 03/2024. Việc nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp sau khi nghỉ việc phải được người lao động nộp tại Trung tâm D trong thời hạn 03 tháng. Khi có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì cơ quan bảo hiểm xã hội thực hiện chi trả trợ cấp thất nghiệp cho người lao động trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp. Đến nay đã quá hạn nên bà Trần Thị H không đủ điều kiện để hưởng chi trả trợ cấp thất nghiệp. Bảo hiểm xã hội tỉnh L đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật

Tại phiên toà, nguyên đơn bà Trần Thị H giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, tham gia phiên toà, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng tại phiên toà là đúng theo các quy định của pháp luật, đảm bảo đúng trình tự luật định, không vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, Viện kiểm sát nghiên cứu hồ sơ đảm bảo đúng pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng điểm d, khoản 1, Điều 32; điểm c, khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227, khoản 1, 3, Điều 228; khoản 2, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 26; Điều 29; Điều 43; Điều 141; Điều 151 Bộ luật lao động. Điều 2; Điều 18; Điều 21 Luật bảo hiểm xã hội. Điều 45, Điều 46, Điều

49, Điều 50 Luật việc làm và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H. Buộc Công ty cổ phần N phải đóng đủ các khoản tiền bảo hiểm gồm: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp cho bà Trần Thị H tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Lào Cai, tổng số tiền tính đến hết tháng 03/2024 và khoản tiền lãi đến hết tháng 12/2024 là: 79.549.257VNĐ. Sau khi thực hiện đóng đủ các khoản tiền bảo hiểm xã hội cho bà Trần Thị H, Công ty cổ phần N phải có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục về bảo hiểm xã hội đối với bà Trần Thị H để trả sổ bảo hiểm xã hội, tờ rời chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà Trần Thị H, theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Công ty cổ phần N chậm đóng các khoản tiền về bảo hiểm thì còn phải chịu khoản tiền lãi suất chậm đóng theo quy định tại Nghị định số: 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ.

Buộc Công ty cổ phần N phải thanh toán hoàn trả cho bà Trần Thị H tổng số tiền là: 15.350.000VNĐ. Trong đó, khoản tiền lương kinh doanh kiêm nghiệm tháng 10,11,12/2023 và tháng 01/2024 là: 7.250.000 VNĐ; Khoản tiền trợ cấp thất nghiệp là: 8.100.000VNĐ.

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H đối với yêu cầu bị đơn Công ty cổ phần N hoàn trả khoản tiền nộp cọc khi vào làm việc là: 4.000.000VNĐ và khoản tiền lãi suất của khoản tiền nộp cọc khi vào làm việc là: 1.320.000VNĐ.

Ngoài ra còn đề nghị tuyên lãi suất chậm trả, tuyên nghĩa vụ chịu án phí lao động sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, bị đơn Công ty cổ phần N đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có yêu cầu phản tố. Căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn Công ty cổ phần N theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Nguyên đơn bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty cổ phần N chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả tờ rời bảo hiểm xã hội cho bà Trần Thị H theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và yêu cầu Công ty cổ phần N phải thanh toán hoàn trả cho bà Trần Thị H các khoản tiền lương và khoản tiền trợ cấp thất nghiệp. Đây là tranh chấp về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và về bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật

về việc làm, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (Quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 32; điểm c, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự).

[3]. *Về nội dung tranh chấp*: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định: Bà Trần Thị H được tuyển dụng vào làm việc tại Công ty Cổ phần N với vị trí việc làm là nhân viên văn phòng, giao nhận hàng hoá theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn số: 0105/HĐLĐ/2020 ngày 28 tháng 4 năm 2020. Thời gian làm việc bắt đầu từ ngày 01/5/2020, với mức lương chính là: 4.200.000VNĐ một tháng và các khoản phụ cấp. Có thoả thuận được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp bắt buộc theo quy định của nhà nước. Bà Trần Thị H đã được Công ty cổ phần N đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội theo mã số: 1020045594 tại cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh Lào Cai. Đến ngày 08/4/2024, bà Trần Thị H có đơn xin nghỉ việc và được Công ty cổ phần N chấp nhận, theo quyết định giải quyết nghỉ việc đối với bà Trần Thị H số: 0104/QĐNV ngày 08/4/2024 của Công ty Cổ phần N.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Trần Thị H được tuyển dụng vào làm việc tại Công ty Cổ phần N theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn số: 0105/HĐLĐ/2020 ngày 28 tháng 4 năm 2020. Như vậy, bà Trần Thị H là đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc (Theo quy định tại Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội). Được quyền tham gia và hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, được cấp và quản lý sổ bảo hiểm xã hội (Điều 18 Luật Bảo hiểm xã hội). Trách nhiệm lập hồ sơ để người lao động được cấp sổ bảo hiểm xã hội, đóng, hưởng bảo hiểm xã hội là của người sử dụng lao động (Điều 21 Luật bảo hiểm xã hội). Tại văn bản số: 1840/BHXXH-TTKT ngày 27/12/2024 cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định: Công ty cổ phần N chưa thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp cho bà Trần Thị H (mã số BHXH: 1020045594) từ tháng 05/2020 đến tháng 03/2024, tổng số tiền Công ty cổ phần N phải đóng cho bà Trần Thị H tính đến hết tháng 03/2024 và khoản tiền lãi đến hết tháng 12/2024 là: 79.549.257VNĐ, trong đó: Bảo hiểm xã hội là: 50.925.000VNĐ; Bảo hiểm y tế là: 8.599.500VNĐ; Truy thu bảo hiểm y tế do báo chậm 04 tháng là: 810.000VNĐ; Bảo hiểm thất nghiệp là: 3.561.000VNĐ; Bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp là : 766.500VNĐ; Lãi tính đến tháng 12/2024 là: 14.887.257VNĐ. Do Công ty cổ phần N còn nợ các khoản tiền bảo hiểm nên Công ty cổ phần N chưa chốt được sổ bảo hiểm xã hội và trả tờ rời về bảo hiểm xã hội cho bà Trần Thị H. Do đó, cần buộc Công ty cổ phần N phải đóng toàn bộ số tiền bảo hiểm cho bà Trần Thị H tại bảo hiểm xã hội tỉnh Lào Cai để được chốt sổ bảo hiểm và trả tờ rời về bảo hiểm xã hội cho bà Trần Thị H là phù hợp quy định pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Tại văn bản số: 1840/BHXXH-TTKT ngày 27/12/2024 cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định: “*Nếu bà Trần Thị H, mã số BHXH: 1020045594 được Công ty cổ phần N đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp thì tổng thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp là 03 năm 11 tháng (từ tháng*

05/2020 đến tháng 03/2024). Thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp của bà Trần Thị H đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định tại (Điều 49, Luật V). Thời gian hưởng trợ cấp là 03 tháng, mức hưởng trợ cấp thất nghiệp hàng tháng: 2.700.000VNĐ, tổng số tiền được hưởng trợ cấp thất nghiệp là 8.100.000VNĐ. Do bà Trần Thị H chưa được Công ty cổ phần N đóng bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 05/2020 đến tháng 03/2024. Việc nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp sau khi nghỉ việc (Ngày 08/4/2024) phải được người lao động nộp tại Trung tâm D trong thời hạn 03 tháng. Đến nay đã quá hạn nên bà Trần Thị H không đủ điều kiện để hưởng chi trả trợ cấp thất nghiệp theo quy định". Như vậy, bà Trần Thị H có quyết định nghỉ việc tại Công ty cổ phần N từ ngày 08/4/2024 nhưng Công ty cổ phần N không đóng đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc cho bà Trần Thị H, nên trong thời hạn 03 tháng bà Trần Thị H không thể thực hiện được các thủ tục để được hưởng trợ cấp thất nghiệp, đây là lỗi thuộc về Công ty cổ phần N. Hiện nay bà Trần Thị H không tiếp tục làm việc tại tổ chức nào khác. Vì vậy, Công ty cổ phần N phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Trần Thị H số tiền trợ cấp thất nghiệp là đúng quy định của pháp luật về việc làm.

Về chế độ tiền lương, bà Trần Thị H xác định Công ty cổ phần N còn nợ bà Trần Thị H khoản tiền lương kinh doanh kiêm nhiệm tháng 10,11,12/2023 và tháng 01/2024 là: 7.250.000 VNĐ. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án số: 02/TB-TLVA ngày 12/11/2024 cho Công ty cổ phần N, đã thông báo số tiền lương kiêm nhiệm mà nguyên đơn bà Trần Thị H yêu cầu Công ty cổ phần N phải hoàn trả, nhưng Công ty cổ phần N không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị H về việc yêu cầu Công ty cổ phần N phải thanh toán hoàn trả cho bà Trần Thị H khoản tiền lương kinh doanh kiêm nhiệm tháng 10,11,12/2023 và tháng 01/2024 là: 7.250.000VNĐ.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị H yêu cầu Công ty cổ phần N phải hoàn trả khoản tiền cọc phải nộp khi vào làm việc là: 4.000.000VNĐ và khoản tiền lãi suất của khoản tiền cọc là: 1.320.000VNĐ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty cổ phần N đã hoàn trả cho bà Trần Thị H, nên nguyên đơn bà Trần Thị H có ý kiến rút phần yêu cầu Công ty cổ phần N phải hoàn trả khoản tiền nộp cọc khi vào làm việc và khoản tiền lãi suất của khoản tiền nộp cọc. Do đó, cần đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn bà Trần Thị H là đúng với các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L không phải chịu án phí. Bị đơn Công ty cổ phần N phải án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm d, khoản 1, Điều 32; điểm c, khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227, khoản 1, 3, Điều 228;

khoản 2, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 26; Điều 29; Điều 43; Điều 141; Điều 151 Bộ luật lao động. Điều 2; Điều 18; Điều 21 Luật bảo hiểm xã hội. Điều 45, Điều 46, Điều 49, Điều 50 Luật việc làm và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H. Buộc Công ty cổ phần N phải đóng đủ các khoản tiền bảo hiểm gồm: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp cho bà Trần Thị H tại cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh L, tổng số tiền tính đến hết tháng 03/2024 và khoản tiền lãi đến hết tháng 12/2024 là: 79.549.257VNĐ (*Bảy mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm năm mươi bảy đồng*). Sau khi thực hiện đóng đủ các khoản tiền bảo hiểm cho bà Trần Thị H, Công ty cổ phần N phải có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục về bảo hiểm xã hội đối với bà Trần Thị H để trả sổ bảo hiểm xã hội và tờ rời chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà Trần Thị H, theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Công ty cổ phần N chậm đóng các khoản tiền về bảo hiểm đối với bà Trần Thị H thì còn phải chịu khoản tiền lãi suất chậm đóng các khoản tiền về bảo hiểm theo quy định tại Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ.

Buộc Công ty cổ phần N phải thanh toán hoàn trả cho bà Trần Thị H tổng số tiền là: 15.350.000VNĐ (*Mười lăm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*). Trong đó, khoản tiền lương kinh doanh kiêm nhiệm tháng 10,11,12/2023 và tháng 01/2024 là: 7.250.000VNĐ (*Bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*); Khoản tiền trợ cấp thất nghiệp: 8.100.000VNĐ (*Tám triệu một trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày nguyên đơn bà Trần Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty cổ phần N không thi hành xong khoản tiền phải hoàn trả, thì hàng tháng Công ty cổ phần N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi suất tương ứng với thời gian chưa thi hành án, theo quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H đối với bị đơn Công ty cổ phần N yêu cầu thanh khoản tiền cọc khi vào làm việc là: 4.000.000VNĐ (*Bốn triệu đồng*) và khoản tiền lãi suất của khoản tiền nộp cọc khi vào làm việc là: 1.320.000VNĐ (*Một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng*).

3. Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bảo hiểm xã hội tỉnh Lào Cai không phải chịu tiền án phí. Bị đơn Công ty cổ phần N phải chịu 2.846.978VNĐ (*Hai triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi tám đồng*) khoản tiền án phí lao động sơ thẩm.

Bản án, được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND thành phố Lào Cai (02);
- THADS thành phố Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Ngọc Thanh**